

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý.
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 970/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1962

Thường trú: 22 đường số 3, khu phố M, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đoàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Phước N, sinh năm 1962

Thường trú: 22 đường số 3, khu phố M, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lê Phước N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:

Bà và ông Lê Phước N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 338, quyển số 01 ngày 21/10/1982 tại Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sau kết hôn, bà và ông N sống chung với gia đình bên vợ. Năm 1989, vợ chồng bà chuyển ra ở riêng và cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, lối sống từ thời điểm đó. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do ông N thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè. Sau mỗi lần say xỉn thì dùng lời lẽ chửi bới, xúc phạm bà. Ông N còn là người thiếu trách nhiệm với gia đình, làm được bao nhiêu tiền ông cũng dùng vào việc ăn nhậu, không phụ giúp bà tiền nuôi dưỡng con và xây dựng kinh tế gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn gia đình ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà quyết định làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông Lê Phước N có một người con chung đã trưởng thành tên Lê Quang Đ, sinh ngày 27/4/1992.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đoàn Thị H tự xác định không có.

* Ông Lê Phước N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án vào các ngày 06/11/2017, ngày 12/01/2018 và ngày 05/02/2018 nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Lê Phước N có nơi cư trú tại 22 đường số 3, khu phố M, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lê Phước N đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên toà sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Phước N.

Bà Đoàn Thị H có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H và ông Lê Phước N tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 338, quyển số 01 ngày 21 tháng 10 năm 1982. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông N là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn ông Lê Phước N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có thể khẳng định mâu thuẫn gia đình của vợ chồng bà H, ông N đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn là do ông N vi phạm nghĩa vụ của người chồng, thiếu trách nhiệm trong việc chăm lo cho cuộc sống gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, bê tha, chửi bới, xúc phạm vợ. Bản thân ông N cũng không thể hiện thiện chí trong việc muốn duy trì quan hệ hôn nhân vì ông đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Toà nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Việc kéo dài tình trạng hôn nhân như trên chỉ làm cho bà H tổn thương về tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Lê Phước N.

2. Về con chung: Theo lời khai của bà H và giấy khai sinh số 88, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 04/05/1992 thì bà H và ông N có một người con tên Lê Quang Đ, sinh ngày 27/4/1992. Do con chung đã trưởng thành nên Toà án không xem xét đến nghĩa vụ của các bên đối với vấn đề con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Đoàn Thị H tự xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H được ly hôn với ông Lê Phước N.

- Về con chung: Bà Đoàn Thị H và ông Lê Phước N có 01 người con đã trưởng thành tên Lê Quang Đ, sinh ngày 27/4/1992. Do con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét đến nghĩa vụ của các bên đối với vấn đề con chung.

- Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết đối với phần tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Đoàn Thị H xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết đối với vấn đề nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm : Bà Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đoàn Thị H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037118 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đoàn Thị H đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị H và ông Lê Phước N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

